

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/01/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P6+BK20+P9	7:25	0+0+15	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 4 P6- bk20
2		P11+BK3+CTK3	7:25	4+0+5	0+0+0		4+4+11	0+0+0	
3		BK21+P9+BK6	9:25	1+7+0	0+0+0		0+6+15	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người P6 về đi BK21

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2022	TO: P6 - BK20 - P9	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hồi - ĐNam - Huy	ETA: 09:10
xanh-1			

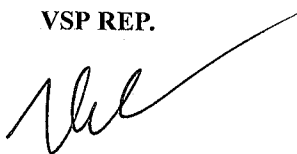
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASIANKIN A.A.	P9	46	1	15		115	KH-THAC	Russian
2	LÊ VĂN LINH	P9	47	1	5	6	70	KH-THAC	Vietnamese
3	QUÁCH VĂN THẢO	P9	34-35	2	15		70	YTE	Vietnamese
4	IAKIMIDI	P9	45	1	1		100	KH-THAC	Russian
5	TRẦN THANH HẢI	P9	36	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MINH THUY	P9	38	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ VĂN THOẠI	P9	39	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI NGỌC THÂN	P9	40	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO AN CHUNG	P9	41	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT THĂNG	P9	42	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ SĨ BÌNH	P9	44	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN BẢNG	P9	33	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN DỪNG	P9	43	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HÀ	P9	37	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGỌC THANH	P9	79	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	0	0	0	0	0	2	4	Chuyen 4 khách từ P6 sang BK20
2	BK20	0	0	0	0	0	0		
3	P9	15	16	93	1.145	6	20		
TOTAL		15	16	93	1.145	6	22		
WEIGHT KG				93	1.145	6			

GRAND TOAL: 1.244 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2022	TO: P11 - BK3 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Phong - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VIỆT CUONG	P11	29	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TÀI	P11	61	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	30	1	10	20	65	YTE	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LINH	P11	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	STAZHINSKY	CTK3	60	1	5		95	DHANH	Russian
6	PHẠM THANH TÙNG	CTK3	62	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
7	GALUSTIAN E.	CTK3	61	1	8		96	KH-THAC	Russian
8	PHAN VĂN ĐỨC	CTK3	63	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	4	4	27	274	20	4		
2	BK3	0	0	0	0	0	4		
3	CTK3	4	4	24	348	0	14		
TOTAL		8	8	51	622	20	22		
WEIGHT KG				51	622	20			

GRAND TOAL: 693 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2022	TO: BK21 - P9 - BK6	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hồi - ĐNam - Huy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGO VAN SANG	BK21	24	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN HAI	P9	49-50	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
3	LE MINH THUY	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM DUC TAI	P9	73	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DUC BINH	P9	51-52	2	10		81	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CAO CHI	P9	15	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	1	1	10	75	0	0		
2	P9	5	6	28	357	0	7		
3	BK6	0	0	0	0	0	15		
TOTAL		6	7	38	432	0	22		
WEIGHT KG				38	432	0			

GRAND TOAL: 470 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/01/2022

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1		TD5+TD2+PPD ↗ ₂	7:25	0+0+17	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 3 TD5- TD2
2		P7+PPD+P4	9:25	7+2+7	0+0+0		3+3+16	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT:	TO: TD5 - TD2 - PPD	CREW: TTrung - MTHAO - Toan	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	14	1	4		72	KHI	Vietnamese
2	ОКОБАЛЧЕВ Г.Ф.	PPD	20	1	12		120	KHI	Russian
3	LÊ ĐỨC THĂNG	PPD	27	1	6		78	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	21-22	2	8		83	KHI	Vietnamese
5	VÕ VĂN QUYỀN	PPD	09	1	5		72	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC LÂM	PPD	23	1	7		78	KHI	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	10	1	8		58	KHI	Vietnamese
8	NGÔ SỸ THANH	PPD	11	1	5	22	89	KHI	Vietnamese
9	TRƯƠNG HẢI HÀ	PPD	26	1	5		75	KHI	Vietnamese
10	TRỊNH VĂN CƯỜNG	PPD	12-13	2	11		71	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	17	1	14		75	KHI	Vietnamese
12	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD	19	1	3		89	KHI	Vietnamese
13	LUƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	24	1	7		65	KHI	Vietnamese
14	LÊ THANH TRUNG	PPD	18	1	5		65	KHI	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD				5	72	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	25	1	5		72	KHI	Vietnamese
17	TRỊNH QUỐC THÀNH	PPD	15-16	2	12		98	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	0	0	0	0	0	0 + 3		CHUEN 3 PAX TU TD5 SANG TD2
2	TD2	0	0	0	0	0	21		
3	PPD	17	19	117	1.332	27	1		
TOTAL		17	19	117	1.332	27	22		
WEIGHT KG				117	1.332	27			

GRAND TOAL: 1.476 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/01/2022	TO: P7 - P4 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: TTrung - MTHAO - Toan	ETA: 11:20
cam-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THANH TÙNG	P7	02	1	8		78	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ VĂN TÙNG	P7	93	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẠO QUYẾT THẮNG	P7	74	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THAI	P7	72-73	2	14	30	70	XAYLAP	Vietnamese
5	HỒ NGUYỄN HẬU	P7	68-69	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	P7	70-71	2	16		62	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT DŨNG	P7	01,800	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
8	ZAGUDAEV V.E	P4	78	1	6		78	KHI	Russian
9	NGUYỄN VĂN NĂM	P4	79	1	3	20	58	KHI	Vietnamese
10	PHẠM QUỐC DUY	P4	81	1	4	20	62	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	82	1	4		72	KHI	Vietnamese
12	TRẦN VĂN PHÚC	P4	80	1	10		70	KHI	Vietnamese
13	DƯƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	73	1	10		68	KHI	Vietnamese
14	LÊ QUANG VINH	P4	83	1	5		68	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	39	1	5	28	74	KHI	Vietnamese
16	VŨ ĐỨC HOÀNG	PPD	38	1	7		68	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

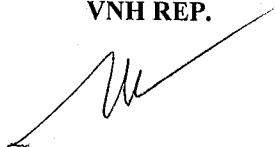
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	7	11	86	479	30	3		
2	P4	7	7	42	476	40	16		
3	PPD	2	2	12	142	28	3		
TOTAL		16	20	140	1.097	98	22		
WEIGHT KG				140	1.097	98			

GRAND TOAL: 1.335 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

